TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Hạnh

Ông Nguyễn Trung Thành

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:* Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 89 L, phường , quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020)

+ Người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Phúc T – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn P- Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 1973/2022/UQ-LCC-KHCNMBI ngày 21/9/2022)

- Bị đơn: Anh Dương Minh Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 9 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T (Gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

- Ngày 22 tháng 7 năm 2017, giữa Ngân hàng và anh Dương Minh Đ ký kết hợp đồng tín dụng số CN/VN 0010236/201707/21. Theo hợp đồng, Ngân hàng đã cho anh Đ vay số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân 28/7/2017 đến ngày 15/7/2022; lãi suất cho vay 30%/năm; mục đích vay để mua sắm nội thất gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Dương Minh Đ đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 258.863.475 đồng (Trong đó: tiền gốc: 95.791.791 đồng, tiền lãi 163.071.684 đồng. Kể từ ngày 15/11/2020 anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/4/2023 anh Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 238.217.654 đồng, trong đó nợ gốc 104.208.209 đồng, nợ lãi 113.893.946 đồng, phạt chậm trả 20.115.498 đồng.

- Ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa Ngân hàng và anh Dương Minh Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng số CN/VN0010236/201806/01. Theo hợp đồng Ngân hàng đã cho anh Đ vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 59 tháng từ ngày giải ngân 02/7/20218 đến ngày 15/5/2023; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 28%/năm; mục đích vay: Mua đồ gia dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Dương Minh Đ đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 36.204.299 đồng (Trong đó: tiền gốc: 12.287.508 đồng, tiền lãi 23.916.791 đồng). Kể từ ngày 15/11/2020 anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/4/2023 anh Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 61.477.404 đồng, trong đó nợ gốc 27.712.492.000 đồng, nợ lãi 28.988.440 đồng, lãi phạt chậm trả 4.776.472 đồng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2018, giữa Ngân hàng và anh Dương Minh Đ ký kết hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192; hạn mức vay 16.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất là 3,49%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Dương Minh Đ đã trả cho Ngân hàng trong các kỳ số tiền là 33.168.157 đồng. Kể từ ngày 11/11/2020 anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/4/2023 còn nợ Ngân hàng là 43.165.684 đồng (trong đó nợ gốc là 14.181.900 đồng, nợ lãi 28.983.784 đồng).

- Ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa Ngân hàng và anh Dương Minh Đ đã ký kết hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1808020838318, số tiền vay là 633.000.000 đồng, thời hạn vay 83 tháng (kể từ ngày tiếp theo của

ngày ký hợp đồng từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/7/2025); lãi suất 9,8%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/11/2018; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi vay trong hạn; mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic 1.8E, mới 100%. Anh Đ phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/9/2018, tổng là 83 kỳ; số tiền nợ gốc mà anh Đ phải trả mỗi kỳ là 7.627.000đ, riêng kỳ cuối cùng trả 7.586.000đ; trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 10/9/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Dương Minh Đ đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 379.007.377 đồng (Trong đó: tiền gốc: 198.302.000 đồng, tiền lãi 180.705.377 đồng). Kể từ ngày 10/11/2020 anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/4/2023 anh Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 658.354.140 đồng, trong đó nợ gốc 434.698.000 đồng, nợ lãi 196.888.304 đồng, lãi phạt chậm trả 26.767.836 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên và các khoản vay khác của anh Dương Minh Đ là 01 xe ô tô Honda Civic, biển kiểm soát 88A-215.93, số khung 6630JT030480, số máy R18Z16651210 đứng tên anh Dương Minh Đ. Chi tiết hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 giữa VPBank với anh Dương Minh Đ. Tất cả các phụ tùng thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp

Tính đến ngày 24/4/2023 anh Dương Minh Đ còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi của Hợp đồng số CN/VN 0010236/201707/21 ngày 22/7/2017; Hợp đồng số CN/VN0010236/201806/01 ngày 27/6/2018; Hợp đồng tín dụng số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 là 958.049.197 đồng (Trong đó: tiền gốc là 566.618.701 đồng; tiền nợ lãi: 339.770.690 đồng và lãi phạt chậm trả 51.659.806 đồng) và hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192 ngày 16/6/2018 là 43.165.684 đồng (Trong đó: tiền gốc là 14.181.900 đồng; tiền lãi: 28.983.784 đồng)

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Dương Minh Đ phải thanh toán trả ngân hàng tổng số tiền nợ của 03 hợp đồng tín dụng trên là: 958.049.197 và hợp đồng thẻ tín dụng là 43.165.684 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên khoản nợ kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp anh Dương Minh Đ không trả số tiền nợ gốc, lãi nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý, bán phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HONDA CIVIC, Biển kiểm soát: 88A-215.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 034217 đứng tên anh Dương Minh Đ bao gồm tất cả các phụ tùng, thiết

bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cùng thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1808020838318 ngày 08/8/2018; Trường hợp số tiền phát mại không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ anh Dương Minh Đ vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Dương Minh Đ đến Tòa án làm việc, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được; anh Đ cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc anh Dương Minh Đ phải trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 24/4/2023 đối với các hợp đồng tín dụng CN/VN0010236/201806/01 ngày 27/6/2018; Hợp đồng CN/VN 0010236/201707/21 ngày 22/7/2017; Hợp đồng LN1808020838318 ngày 08/8/2018 số tiền 958.049.197 đồng (Trong đó: nợ gốc là 566.618.701 đồng; nợ lãi là 339.770.690 đồng; phạt chậm trả là 51.659.806 đồng). Kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Dương Minh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng trên đối với khoản nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

Buộc anh Dương Minh Đ phải trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 24/4/2023 đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192 ngày 16/6/2018 số tiền 43.165.684 đồng (trong đó nợ gốc 14.181.900 đồng, tiền lãi 28.983.784 đồng). Kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Dương Minh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của

Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp anh Dương Minh Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu HonDa CIVIC, BKS 88A-215.93 được Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08/8/2018 đứng tên Dương Minh Đ khi Ngân hàng tìm được chiếc xe ô tô. Trường hợp không tìm được tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Đ để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì anh Dương Minh Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện việc thanh toán khoản còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Anh Dương Minh Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T (Gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu anh Dương Minh Đ phải trả tiền vay từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích vay để vay để mua ô tô, mua sắm nội thất gia đình, mua đồ gia dụng và vay tiêu dùng đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; anh Đ có địa hộ khẩu thường trú ở thôn P, xã L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Dương Minh Đ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ không đến Tòa án. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt không có l ý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T thấy rằng giữa Ngân hàng với anh Dương Minh Đ đã ký hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1808020838318 ngày 08/8/2018, số tiền vay là 633.000.000 đồng; Hợp đồng CN/VN0010236/201806/01 ngày 26/7/2018 số tiền 40.000.000 đồng; Hợp đồng CN/VN 0010236/201707/21 ngày 22/7/2017 số tiền 200.000.000; Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192 ngày16/6/2018 hạn mức vay 16.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật. Thời gian ký kết hợp đồng, mục đích vay, phương thức cho vay, số tiền vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, thời hạn cho vay và tài sản bảo đảm của hợp đồng tín dụng số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 đúng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa. Theo hợp đồng đã ký kết

thì các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình như các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý bị đơn là anh Dương Minh Đ không đến Tòa án làm việc và không nộp tài liệu chứng cứ gì, cũng như không gửi ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu nguyên đơn nộp tại Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 30/11/2022 Tòa án đã tiến hành về làm việc và lấy lời khai tại gia đình anh Đ, tuy nhiên anh Đ không có mặt ở nhà và đại diện Tòa án làm việc với ông Dương Minh L là bố đẻ của anh Đ, ông L cho biết khoản vay của anh Đ và Ngân hàng ông không biết vì anh Đ không nói cho ông biết, thỉnh thoảng anh Đ mới về nhà, còn anh Đ làm gì, ở đâu thì ông không biết; xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L cho biết anh Đ đi làm nhưng thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương và hiện nay vẫn có hộ khẩu tại thôn P, xã L, huyện LT.

Sau khi ký kết các hợp đồng đến ngày 24/4/2023 anh Đ mới trả được cho Ngân hàng đối với hợp đồng CN/VN 0010236/201707/21 ngày 22/7/2017 số tiền gốc: 95.791.791 đồng, tiền lãi: 163.071.684 đồng; trả hợp đồng số CN/VN0010236/201806/01 ngày 26/7/2018 số tiền gốc: 12.287.508 đồng, tiền lãi: 23.916.791 đồng; trả hợp đồng số LN1808020838318 ngày 08/8/2018, số tiền gốc: 198.302.000 đồng, tiền lãi: 180.705.377 đồng; trả hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192 ngày 16/6/2018 trong các kỳ là 33.168.157 đồng. Tổng cộng anh Đ đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc: 306.381.299 đồng, tiền lãi: 367.693.852 đồng và 33.168.157 đồng tiền hợp đồng thẻ tín dụng đã trả qua các kỳ. Do quá trình thực hiện các hợp đồng anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết với Ngân hàng, nay Ngân hàng T yêu cầu anh Dương Minh Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng tính đến ngày 24/4/2023 số tiền nợ gốc: 566.618.701 đồng, tiền lãi là 339.770.690 đồng, phạt chậm trả là 51.659.806 đồng (Trong đó hợp đồng số CN/VN 0010236/201707/21 ngày 22/7/2017 số tiền gốc: 104.208.209 đồng, tiền lãi: 113.893.946 đồng, phạt chậm trả: 20.115.498 đồng; Hợp đồng CN/VN0010236/201806/01 ngày 26/7/2018 số tiền gốc: 27.712.492 đồng, tiền lãi: 28.988.440 đồng, phạt chậm trả: 4.776.472 đồng; Hợp đồng số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 số tiền gốc: 434.698.000đ, tiền lãi: 196.888.304 đồng, phạt chậm trả: 26.767.836 đồng; Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192 ngày 16/6/2018 số tiền dư nợ quá hạn là 43.165.684 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên khoản nợ gốc kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023 cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản bảo đảm cho việc anh Dương Minh Đ theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 được ký kết giữa các bên theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo cho

khoản vay này là xe ô tô BKS 88A-215.93 nhãn hiệu HONDA CIVIC, số khung: 6630JT; số máy: R18Z16651210 (giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034217 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08/8/2018) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Dương Minh Đ.

Tại Điều 3 hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 có nêu:

"1. Khách hàng đồng ý thế chấp cho VPBank tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HonDa CiVic, số khung 6630JT030480, số máy R18Z16651210 để đảm bảo cho nghĩa vụ được đảm bảo quy định tại khoản 2 điều này"

2. Tài sản thế chấp nêu tại khoản 1 điều này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng đối với VPBank phát sinh từ hợp đồng tín dụng này và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa khách hàng và VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan(sau đây gọi chung là văn kiện tín dụng)..."

Điều này thể hiện anh Đ đã đồng ý ký kết với Ngân hàng thế chấp tài sản trên để đảm bảo đối với toàn bộ các hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản là chiếc xe ô tô trên tại gia đình anh Đ nhưng anh Đ và xe ô tô không có ở nhà, nên Tòa án đã lập biên bản về việc không xem xét thẩm định tại chỗ được và căn cứ vào các tài liệu do Nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của anh Đ tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là tài sản hợp pháp của anh Đ, mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Ngân hàng T đề nghị xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HonDa CIVIC, BKS 88A-215.93 khi anh Đ không trả được nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, được chấp nhận. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì anh Dương Minh Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện việc thanh toán khoản còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Minh Đ phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 1.001.214.881 đồng x (36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000đ) = 42.036.446 đồng (làm tròn 42.036.000đồng). Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 280,

317, 318, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với anh Dương Minh Đ.

Buộc anh Dương Minh Đ phải trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 24/4/2023 đối với các hợp đồng tín dụng CN/VN0010236/201707/21 ngày 22/7/2017; Hợp đồng CN/VN0010236/201806/01 ngày 27/6/2018; Hợp đồng LN1808020838318 ngày 08/8/2018 số tiền 958.049.197 đồng (Chín trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn chín nghìn một trăm chín bảy đồng) (Trong đó: nợ gốc là 566.618.701 đồng; nợ lãi là 339.770.690 đồng; phạt chậm trả là 51.659.806 đồng). Kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Dương Minh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng trên đối với khoản nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

Buộc anh Dương Minh Đ phải trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 24/4/2023 đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-9565192 ngày 16/6/2018 số tiền 43.165.684 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm sáu lăm nghìn sáu trăm tám tư đồng) (Trong đó nợ gốc 14.181.900 đồng, tiền lãi 28.983.784 đồng). Kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Dương Minh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp anh Dương Minh Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu HonDa CIVIC, BKS 88A-215.93, số khung 6630JT030480, số máy R18Z16651210 được Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08/8/2018 đứng tên Dương Minh Đ theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1808020838318 ngày 08/8/2018 khi Ngân hàng tìm được chiếc xe ô tô. Trường hợp không tìm được tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Đ để đảm bảo cho việc thi hành án. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì anh Dương Minh Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện việc thanh toán khoản còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Buộc anh Dương Minh Đ phải chịu 42.036.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 18.698.000 (Mười tám triệu sáu trăm chín tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0006464 ngày 24/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân